

Số: 2353 /QĐ-ĐHSP

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bản mô tả các chương trình đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 54/NQ-HĐT ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm về sửa đổi, bổ sung một số điều và sửa đổi phụ lục của Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH, ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục - Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH;

Căn cứ Kế hoạch số 108/KH-ĐHSP ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc rà soát, cập nhật, điều chỉnh và phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy năm 2024 của Trường Đại học Sư phạm;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Bảo đảm chất lượng giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bản mô tả các chương trình đào tạo trình độ đại học Khóa 59 của Trường Đại học Sư phạm.

Ch. Qu

Điều 2. Bản mô tả chương trình đào tạo là tài liệu cung cấp thông tin chi tiết về các chương trình đào tạo trình độ đại học giúp người học, nhà tuyển dụng lao động và các bên liên quan khác hiểu về chương trình đào tạo; là tài liệu phục vụ cho hoạt động rà soát nội bộ và giám sát các hoạt động của chương trình đào tạo.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Bảo đảm chất lượng giáo dục, các trường đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *ds*

Nơi nhận: *Que*

- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu: VT, BDCLGD (02).

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Mai Xuân Trường



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CỬ NHÂN SƯ PHẠM NGŨ VĂN**

(Kèm theo Quyết định số 2353/QĐ-ĐHSP ngày 26 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên)

I. Mô tả chương trình đào tạo

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo đại học cử nhân sư phạm Ngữ văn được điều chỉnh năm 2024 nhằm mục đích phát triển một số ngành đào tạo của trường đại học sư phạm đạt tiêu chuẩn quốc gia; góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đại học và thực hiện các chương trình về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam.

Chương trình đào tạo đại học cử nhân sư phạm Ngữ văn được kế thừa từ các chương trình đào tạo sư phạm Ngữ văn trước đó và được bổ sung, phát triển để đáp ứng với yêu cầu mới của giáo dục phổ thông. Tất cả các môn học của chương trình đào tạo đại học cử nhân sư phạm Ngữ văn được giảng dạy bằng tiếng Việt, một số tiết dạy bằng tiếng Anh bởi các giảng viên chuyên ngành của Khoa Ngữ văn.

Sinh viên học tập tại khoa Ngữ văn được cung cấp các kiến thức cơ bản về khoa học giáo dục và sư phạm Ngữ văn, được giới thiệu các giáo trình, chuyên khảo tại thư viện của Trường ĐHSP và trung tâm học liệu Đại học Thái Nguyên.

2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Sư phạm Ngữ văn
Tên chương trình (tiếng Anh)	Philology Education
Mã ngành đào tạo:	7140217
Trường cấp bằng:	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên
Tên gọi văn bằng:	Cử nhân sư phạm
Trình độ đào tạo:	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu:	130
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Thời gian đào tạo:	4 năm
Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh tốt nghiệp THPT
Thang điểm đánh giá	10
Điều kiện tốt nghiệp:	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo đạt 130 tín chỉ; - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên; - Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể

Chữ ký

	chất; - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ; - Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin.
Vị trí việc làm:	- Giáo viên Ngữ văn: Giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng, trường trung học phổ thông, trung học cơ sở và các cơ sở giáo dục trên toàn quốc.- Nghiên cứu viên: Tham gia nghiên cứu tại các viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, hoặc các tổ chức nghiên cứu chuyên sâu về văn học, ngôn ngữ, giáo dục. - Cán bộ, viên chức: Công tác tại các cơ quan nhà nước, tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội với các vị trí liên quan đến giáo dục, văn hóa, truyền thông hoặc quản lý giáo dục. - Chuyên gia tư vấn, biên tập viên: Làm việc tại các nhà xuất bản, cơ quan truyền thông, biên tập sách giáo khoa, tài liệu học thuật hoặc các dự án giáo dục cộng đồng. - Nhân sự trong lĩnh vực đa văn hóa: Tham gia các chương trình giáo dục hoặc hoạt động văn hóa dành cho cộng đồng dân tộc thiểu số và quốc tế.
Học tập nâng cao trình độ:	- Tiếp tục học lên các bậc học cao hơn như thạc sĩ, tiến sĩ trong các lĩnh vực Sư phạm Ngữ văn, Giáo dục học, Ngôn ngữ học, Văn học hoặc các ngành khoa học xã hội liên quan. - Tham gia các khóa bồi dưỡng chuyên môn ngắn hạn hoặc dài hạn để cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực giảng dạy, nghiên cứu và quản lý. - Phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu để thích ứng với yêu cầu đổi mới giáo dục và xu hướng hội nhập quốc tế. Nâng cao năng lực ngoại ngữ và công nghệ thông tin để hội nhập môi trường làm việc đa văn hóa, toàn cầu hóa.
Chương trình tham khảo khi xây dựng:	- Chương trình trong nước: CTĐT Cử nhân Sư phạm Ngữ văn của trường Đại học Sư phạm Hà Nội, trường Sư phạm- trường Đại học Vinh và trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
Thời gian cập nhật bản mô tả	7/2024

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1. Mục tiêu chung

Handwritten signature

Đào tạo các giáo viên Ngữ văn, cán bộ nghiên cứu và chuyên viên có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, kiến thức chuyên môn sâu rộng, kiến thức giáo dục địa phương và kỹ năng thực hành nghề nghiệp vững chắc. Chương trình còn phát triển năng lực giảng dạy, nghiên cứu và ứng dụng công nghệ để đáp ứng yêu cầu tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường và Luật giáo dục đại học. Mục tiêu là nhằm phục vụ các trường học, viện nghiên cứu và các cơ quan giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu Ngữ văn, đồng thời phục vụ cộng đồng và xã hội.

3.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: Áp dụng được kiến thức chuyên môn, liên môn vào dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông một cách sáng tạo.

PO2: Sử dụng được lí luận dạy học và tâm lí học trong quá trình giảng dạy và giáo dục học sinh.

PO3: Áp dụng được kiến thức về khoa học xã hội, tư tưởng Hồ Chí Minh và pháp luật của Nhà nước vào công việc và cuộc sống hàng ngày.

PO4: Sử dụng được các phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả, phát huy năng lực của học sinh.

PO5: Sử dụng được công nghệ thông tin và tiếng Anh trong hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.

PO6: Sử dụng được kĩ năng ngôn ngữ và giao tiếp sư phạm để giảng dạy, tư vấn và hỗ trợ học sinh, phát triển năng lực quản lí ở trường phổ thông.

PO7: Phát triển được khả năng tự học, tự nghiên cứu và sáng tạo trong giải quyết vấn đề thực tiễn.

PO8: Xây dựng đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm đối với học sinh và nhà trường, cùng với khả năng phục vụ cộng đồng và nâng cao chất lượng cuộc sống.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

4.1. Kiến thức

** Kiến thức chung*

1) PLO1: Vận dụng được kiến thức chính trị, pháp luật, văn hoá xã hội vào hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.

2) PLO2: Vận dụng các kiến thức tâm lí học, giáo dục học và quản lí nhà trường để tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục.

** Kiến thức chuyên môn*

3) PLO3: Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành vào dạy học Ngữ văn và giáo dục học sinh ở trường phổ thông.

4) PLO4: Vận dụng được kiến thức cơ bản về lí luận văn học, văn hóa, ngôn ngữ để phát triển kiến thức mới và tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

5) PLO5: Vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học Ngữ văn để xử lí các tình huống dạy học và giáo dục.

6) PLO6: Vận dụng hiệu quả các phương pháp đánh giá vào quá trình dạy học nhằm phát triển năng lực học sinh và điều chỉnh phương pháp dạy học phù hợp.

4.2. Kỹ năng

* Kỹ năng chung

7) PLO7: Giao tiếp hiệu quả và thực hiện hoạt động tư vấn trong hoạt động dạy học, giáo dục và hướng nghiệp.

8) PLO8: Sử dụng công nghệ thông tin để tự học, nghiên cứu khoa học, dạy học, đánh giá và quản lý học sinh thời đại công nghệ số.

9) PLO9: Sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn.

* Kỹ năng chuyên môn

10) PLO10: Ứng dụng được các tri thức đã học vào nghiên cứu, giảng dạy, tổ chức hoạt động trải nghiệm về khoa học Ngữ văn cho học sinh trong môi trường giáo dục đa văn hóa.

11) PLO11: Sử dụng hiệu quả các kỹ năng phản biện, truyền cảm hứng, nghiên cứu khoa học, tư vấn học đường trong môi trường giáo dục phổ thông.

12) PLO12: Vận dụng sáng tạo kiến thức vào giải quyết các vấn đề thực tiễn ở trường phổ thông.

13) PLO13: Sử dụng linh hoạt kỹ năng ngôn ngữ và giao tiếp đối thoại sư phạm trong dạy học Ngữ văn và trong cuộc sống.

4.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

14) PLO14: Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với quy định về đạo đức nhà giáo và quy chế dân chủ.

15) PLO15: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào làm việc độc lập hoặc theo nhóm, học tập suốt đời để phát triển chuyên môn.

16) PLO16: Phát triển tư duy phản biện xã hội và lan tỏa những thông điệp tích cực đến học sinh, đồng nghiệp, phụ huynh.

5. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu cụ thể	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, PLOs:															
	Kiến thức						Kỹ năng							NL tự chủ và trách nhiệm		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
PO1	x	x	x	x						x		x	x	x	x	X
PO2	x	x			x		x				x					
PO3	x															
PO4			x	x	x	x				x	x	x				
PO5						x	x	x	x							
PO6		x		x	x		x	x		x	x	x	x	x		
PO7			x	x				x	x	x	x	x		x	x	x

Al Qu

PO8	x	x					x	x						x	x	x
-----	---	---	--	--	--	--	---	---	--	--	--	--	--	---	---	---

6. Phương pháp/chiến lược dạy – học và phương pháp kiểm tra đánh giá

6.1. Phương pháp/chiến lược dạy – học

6.1.1. Chuẩn bị của giảng viên

Giảng viên giảng dạy chương trình cử nhân sư phạm Ngữ văn cần trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau. i) nắm rõ kiểu dạng lớp học mà mình đang giảng dạy (lớp học có lý thuyết hay thực hành; môn học bắt buộc, môn học tự chọn hay môn học thay thế tốt nghiệp). ii) nắm rõ kiểu dạy học (dạy học liên môn, dạy học trực tuyến hay dạy học tích hợp). iii) hiểu rõ sinh viên của mình (sinh viên năm nhất, năm hai, năm ba hay năm cuối đại học). iv) hiểu rõ về các chính sách trong học tập.

6.1.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học

- Phương pháp thích nghi với người học, đặt trọng tâm ở người học;
- Thay đổi cách thức hoạt động dạy và học của GV và SV: Người học cần nghĩ nhiều hơn, làm nhiều hơn, thảo luận nhiều hơn, với trạng thái thoải mái, hứng thú hơn, trong mối quan hệ thân thiện dân chủ để thực hiện tốt mục tiêu đào tạo;
- Các phương pháp được sử dụng chủ yếu: thuyết trình, seminar, bài tập, thảo luận, thực tế, thực hành, E-learning, tiểu luận, dự án, lớp học đảo ngược.

6.1.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm /1 lần hướng điều chỉnh đáp ứng chương trình và SGK phổ thông mới;
- Có nhiều hình thức hỗ trợ sv trong nhiệm vụ rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm;
- Hàng kì các Bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của GV đặc biệt là GV trẻ, GV dạy những môn học mới để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy nâng cao năng lực GV;
- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, tâm, đức trách nhiệm của người thầy.

6.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá

6.2.1. Đánh giá quá trình

Kĩ năng đánh giá quá trình giúp quản lí việc học của người học trong quá trình học. Những phản hồi ghi nhận được sử dụng để giúp người dạy phát hiện những khó khăn mà người học đang gặp phải, từ đó người dạy có thể điều chỉnh việc dạy còn người học có thể điều chỉnh việc học của mình. Đánh giá quá trình diễn ra thường xuyên vào mỗi kì học, đánh giá quá trình bao gồm:

- **Đánh giá chuyên cần:** Tiêu chí đánh giá dựa trên Rubric đánh giá chuyên cần.
- **Bài tập nhóm:** Tiêu chí đánh giá dựa trên Rubric đánh giá kết quả làm việc nhóm
- **Bài tập cá nhân:** Tiêu chí đánh giá dựa trên Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Ch. Qu.

- **Bài thực hành:** Tiêu chí đánh giá dựa trên Rubric đánh giá kết quả thực hành của người học.

- **Bài kiểm tra định kì:** Tiêu chí đánh giá là đáp án, thang điểm.

6.2.2. Đánh giá kết quả

Các phương thức đánh giá kết quả đánh giá việc học của người học qua các bài đánh giá mức độ cao. Việc này thường diễn ra vào cuối mỗi kì học, nhằm đánh giá kết quả mà người học đã đạt được.

- **Bài thi: Được thực hiện khi kết thúc học phần.** Hình thức tự luận, vấn đáp hoặc thực hành. Tiêu chí đánh giá là đáp án và thang điểm.

- **Bài tiểu luận (hoặc Báo cáo thu hoạch):** Đa phần các dự án này yêu cầu cá nhân sinh viên phải hoàn thành một nghiên cứu về Ngữ văn, giáo dục Ngữ văn, nghiên cứu về một số vấn đề văn hóa, văn hóa dân gian có liên quan đến chuyên ngành Ngữ văn.

II. Mô tả chương trình dạy học (Curriculum)

1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ	Loại học phần	Số tín chỉ
1.	Kiến thức giáo dục đại cương, 26 tín chỉ	Bắt buộc	26
		Tự chọn	0
2.	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, 64 tín chỉ		
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành, 10 tín chỉ	Bắt buộc	8
		Tự chọn	2
2.2.	Kiến thức ngành, 54 tín chỉ	Bắt buộc	26
		Tự chọn	28
3.	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm, 34 tín chỉ	Bắt buộc	25
		Tự chọn	9
4.	Khoá luận, các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp, 6 tín chỉ	Khóa luận	6
		Các môn thay thế khóa luận	6
Tổng số			130

* Khối kiến thức giáo dục đại cương, gồm 14 học phần (*Triết học Mác - Lênin; Kinh tế chính trị Mác- Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Pháp luật đại cương; Tiếng Anh 1; Tiếng Anh 2; Tiếng Anh 3; Tin học đại cương; Giáo dục thể chất 1; Giáo dục thể chất 2; Giáo dục thể chất 3; Giáo dục quốc phòng*).

Khối kiến thức giáo dục đại cương giúp người học có kiến thức vững chắc về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tiếng Anh và giáo dục thể chất để người học vận dụng được những kiến thức đó vào lập kế hoạch và tổ chức dạy học môn Ngữ văn và hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.

th *Qu*

* Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành + kiến thức ngành), gồm 33 học phần (*Cơ sở văn hóa Việt Nam; Cơ sở ngôn ngữ học; Tiếp cận tác phẩm văn học từ góc độ mỹ học và những nguyên lý lý luận văn học; Thực tế văn học; Điền dã, sưu tầm văn hóa dân gian; Văn học dân gian Việt Nam; Tổng quan văn học Việt Nam trung đại; Tổng quan văn học Việt Nam hiện đại; Ngữ âm – Từ vựng tiếng Việt; Ngữ pháp tiếng Việt; Ngữ dụng – Phong cách học tiếng Việt; Tác phẩm và thể loại văn học; Văn học Châu Á; Tác gia văn học Việt Nam trung đại; Tác gia văn học Việt Nam giai đoạn từ 1900 đến 1945; Tác gia văn học Việt Nam giai đoạn từ 1945 đến nay; Trải nghiệm ngôn ngữ và văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam; Từ Hán Việt và dạy học từ Hán Việt ở trường phổ thông; Phương pháp nghiên cứu khoa học Ngữ văn; Tiếng Việt thực hành; Tiến trình văn học; Văn học phương Tây 1; Văn học phương Tây 2; Văn hóa truyền thống trong văn học Việt Nam trung đại; Văn học địa phương; Văn học Việt Nam đương đại; Thi pháp học; Âm nhạc, nghệ thuật tạo hình với văn học; Văn học Hậu hiện đại thế giới; Ngôn ngữ báo chí; Việt ngữ học với nghiệp vụ văn thư văn phòng; ; Vận dụng tri thức văn hóa vào giảng dạy văn học dân gian ở trường phổ thông; Ứng dụng lý thuyết ngôn ngữ trong nghiên cứu tác phẩm văn chương).*

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp giúp người học có được kiến thức chuyên môn toàn diện ứng dụng vào dạy học môn Ngữ văn và giáo dục học sinh ở trường phổ thông, người học cũng có thể phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

* Kiến thức nghiệp vụ sư phạm, gồm 17 học phần (*Tâm lý học giáo dục; Giáo dục học; Giao tiếp sư phạm; Lý luận dạy học Ngữ văn; Dạy học Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực; Thực hành sư phạm 1; Thực hành sư phạm 2; Thực tập sư phạm 1; Thực tập sư phạm 2; Đổi mới sáng tạo và Giáo dục khởi nghiệp; Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn; Dạy học đọc hiểu văn bản thông tin đa phương thức ở trường phổ thông; Dạy học văn học dân gian ở trường phổ thông; Dạy học tác phẩm văn học Việt Nam ở trường phổ thông; Dạy học văn học nước ngoài ở trường phổ thông; Dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông).*

Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm giúp cho người học hiểu và vận dụng được các phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và sự tiến bộ của người học; người học có khả năng ứng dụng các tri thức đã học vào nghiên cứu, giảng dạy, tổ chức hoạt động trải nghiệm về khoa học Ngữ văn cho học sinh trong môi trường giáo dục phổ thông.

* Khoá luận, các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp, gồm 2 học phần (*Minh giải văn bản văn học Việt Nam trung đại; Kỹ năng viết các kiểu văn bản ở trường phổ thông).*

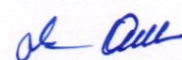
Khối kiến thức này giúp cho người học phân tích, vận dụng được các kiến thức toàn diện, phương pháp dạy học bộ môn, phương tiện dạy học hiệu quả để xử lý tốt các tình huống dạy học, giáo dục đa dạng.

Ch. Qu.

2. Danh sách các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1. Kiến thức giáo dục đại cương			26
Các học phần bắt buộc			26
1	55SPH131	Triết học Mác - Lênin	3
2	59SPH131	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2
3	59SPE121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
4	59SSO121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
5	59HCM121	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
6	59HPV121	Pháp luật đại cương	2
7	59ENG131	Tiếng Anh 1	3
8	59ENG132	Tiếng Anh 2	3
9	59ENG143	Tiếng Anh 3	4
10	59GIF131	Tin học đại cương	3
11	59PHE111	Giáo dục thể chất 1	
12	59PHE112	Giáo dục thể chất 2	
13	59PHE113	Giáo dục thể chất 3	
14	59MIE131	Giáo dục quốc phòng	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			64
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			10
Các học phần bắt buộc			8
15	59VCF231	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3
16	59ATW221	Tiếp cận tác phẩm văn học từ góc độ mỹ học và những nguyên lý lý luận văn học	2
17	59BLG231	Cơ sở ngôn ngữ học	3
Các học phần tự chọn			2
18	59PPE221	Thực tế văn học	2
19	59FCF221	Điền dã, sưu tầm văn hóa dân gian	2
2.2. Kiến thức ngành			54
Các học phần bắt buộc			26
20	59VIF341	Văn học dân gian Việt Nam	4
21	59MVL331	Tổng quan văn học Việt Nam trung đại	3
22	59OVL331	Tổng quan văn học Việt Nam hiện đại	3
23	59VPV331	Ngữ âm- Từ vựng tiếng Việt	3
24	59VMG331	Ngữ pháp tiếng Việt	3

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
25	559PVS341	Ngữ dụng-Phong cách học tiếng Việt	4
26	59LWG331	Tác phẩm và thể loại văn học	3
27	59ASL331	Văn học châu Á	3
Các học phần tự chọn			28
28	59MVL331	Tác gia văn học Việt Nam trung đại	3
29	59AVL331	Tác gia văn học Việt Nam giai đoạn đầu thế kỉ XX đến 1945	3
30	59AVL332	Tác gia văn học Việt Nam giai đoạn từ 1945 đến nay	3
31	59ELC321	Trải nghiệm ngôn ngữ và văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam	2
32	59SVT331	Từ Hán Việt và dạy học từ Hán Việt ở trường phổ thông	3
33	59SMP331	Phương pháp nghiên cứu khoa học Ngữ văn	3
34	59VIE321	Tiếng Việt thực hành	2
35	59LIP331	Tiến trình văn học	3
36	59WEL331	Văn học phương Tây 1	3
37	59WEL332	Văn học phương Tây 2	3
38	559CML331	Văn hóa truyền thống trong văn học Việt Nam trung đại	3
39	559LLI331	Văn học địa phương	3
40	59CVL331	Văn học Việt Nam đương đại	3
41	59PRO331	Thi pháp học	3
42	59POL331	Văn học Hậu hiện đại thế giới	3
43	59MAL331	Âm nhạc, nghệ thuật tạo hình với văn học	3
44	59MEL331	Ngôn ngữ Báo chí	3
45	59LCP331	Việt ngữ học với nghiệp vụ văn thư văn phòng	3
46	59ACF321	Vận dụng tri thức văn hóa vào giảng dạy văn học dân gian ở trường phổ thông	2
47	59ALW321	Ứng dụng lí thuyết ngôn ngữ trong dạy học tác phẩm văn chương	2
3. Kiến thức nghiệp vụ sư phạm			34
Các học phần bắt buộc			25
48	59EPS431	Tâm lý học giáo dục	3



TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
49	59PEP431	Giáo dục học	3
50	59COS431	Giao tiếp sư phạm	3
51	59PEP421	Thực hành sư phạm 1	2
52	59TPT441	Lí luận dạy học Ngữ văn	4
53	59TPC431	Dạy học Ngữ văn theo hướng phát triển năng lực	3
54	59PEP422	Thực hành sư phạm 2	2
55	59TRA421	Thực tập sư phạm 1	2
56	59TRA432	Thực tập sư phạm 2	3
Các học phần tự chọn			9
57	59IEE431	Đổi mới sáng tạo và Giáo dục khởi nghiệp	3
58	59ITP431	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn	3
59	59TMT431	Dạy học đọc hiểu văn bản thông tin đa phương thức ở trường phổ thông	3
60	59TFL431	Dạy học văn học dân gian ở trường phổ thông	3
61	59TVL431	Dạy học tác phẩm văn học Việt Nam ở trường phổ thông	3
62	59TFS431	Dạy học văn học nước ngoài ở trường phổ thông	3
63	59TVI431	Dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông	3
4. Khoá luận tốt nghiệp, các học phần thay thế khoá luận			6
64	59PHI904	Khoá luận tốt nghiệp	6
Các môn thay thế khóa luận			6
65	59ITM931	Minh giải văn bản văn học Việt Nam trung đại	3
66	59WST931	Kĩ năng viết các kiểu văn bản ở trường phổ thông	3
Tổng cộng			130

3. Trình tự nội dung chương trình dạy học



Năm thứ 1		Năm thứ 2	
Học kì 1	Học kì 2	Học kì 1	Học kì 2
59SPH131, Triết học Mác - Lênin*	59SPE121, Kinh tế chính trị Mác - Lênin*	59SSO121, Chủ nghĩa xã hội khoa học*	59ENG143, Tiếng Anh 3*
59VCF231, Cơ sở văn hóa Việt Nam*	59GIF131, Tin học đại cương*	59ENG132, Tiếng Anh 2*	59HCM121, Tư tưởng Hồ Chí Minh *
59ATW221, Tiếp cận tác phẩm văn học từ góc độ mỹ học và những nguyên lí lí luận văn học *	59ENG131, Tiếng Anh 1*	59PHE113, Giáo dục thể chất 3*	59COS431, Giao tiếp sư phạm *
59VIF341, Văn học dân gian Việt Nam*	Tổng quan 59MVL331 văn học Việt Nam trung đại*	59OVL331, Tổng quan văn học Việt Nam hiện đại *	59VPV331, Ngữ âm – Từ vựng tiếng Việt*
59EPS431, Tâm lý học giáo dục*	59LWG331, Tác phẩm và thể loại văn học*	59ASL331, Văn học châu Á *	59TPT441, Lý luận dạy học Ngữ văn*
59BLG231, Cơ sở ngôn ngữ học*	59PEP431, Giáo dục học*	59LIP331, Tiến trình văn học	59PEP421, Thực hành sư phạm 1*
59PHE122, Giáo dục thể chất 2*	59PHE121, Giáo dục thể chất 1*	59MVL331, Tác gia văn học Việt Nam trung đại	
	59VIE321, Tiếng Việt thực hành	59CML331, Văn hóa truyền thống trong văn học Việt Nam trung đại	
	59MEL331, Ngôn ngữ báo chí	59PRO331, Thi pháp học	
Năm thứ 3		Năm thứ 4	
Học kì 1	Học kì 2	Học kì 1	Học kì 2
59HPV121, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*	59PVS341, Ngữ dụng – Phong cách học tiếng Việt*	59PEP422, Thực hành sư phạm 2*	59TRA432, Thực tập sư phạm 2*
59VMG331, Ngữ	59IEE431, Đổi mới	59SVT331, Từ	59PHI904,

pháp tiếng Việt*	sáng tạo và Giáo dục khởi nghiệp*	Hán Việt và dạy học từ Hán Việt ở trường phổ thông	Khóa luận tốt nghiệp*
59GEL121, Pháp luật đại cương*	59AVL331, Tác gia văn học Việt Nam giai đoạn từ đầu thế kỉ XX đến 1945	59AVL332, Tác gia văn học Việt Nam giai đoạn từ 1945 đến nay	59ITM931, Minh giải văn bản văn học Việt Nam trung đại
59TPC431, Dạy học Ngữ văn theo hướng phát triển năng lực*	59WEL332, Văn học phương Tây 2	59ELC321, Trải nghiệm ngôn ngữ và văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam	59WST931, Kỹ năng viết các kiểu văn bản ở trường phổ thông
59TRA421, Thực tập sư phạm 1*	59TFL431, Dạy học văn học dân gian ở trường phổ thông	59LFI221, Thực tế văn học	
59WEL331, Văn học phương Tây 1	59ITP431, Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn	59TMT431, Dạy học đọc hiểu văn bản thông tin đa phương thức ở trường phổ thông	
59MAL331, Âm nhạc, nghệ thuật tạo hình với văn học	59POL331, Văn học Hậu hiện đại thế giới	59FCF221, Điền dã, sưu tầm văn hóa dân gian	
59SMP331, Phương pháp nghiên cứu khoa học Ngữ văn	59LCP331, Việt ngữ học với nghiệp vụ văn thư văn phòng	59CVL331, Văn học Việt Nam đương đại	
59ACF321, Vận dụng tri thức văn hóa vào giảng dạy văn học dân gian ở trường phổ thông	59LLI331, Văn học địa phương	59ALW321, Ứng dụng lí thuyết ngôn ngữ trong dạy học tác phẩm văn chương	
	59TVL431, Dạy học tác phẩm văn học Việt Nam ở trường phổ thông	59TFS431, Dạy học văn học nước ngoài ở trường phổ thông	
		59TVI431, Dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông	

Ghi chú: * là học phần bắt buộc

OK

4. Ma trận đóng góp của các khối kiến thức vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

(0: Đóng góp không rõ ràng; 1: Đóng góp mức thấp;
2: Đóng góp mức trung bình; 3: Đóng góp mức cao)

Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo															
	KT chung		Kiến thức CM				Kỹ năng chung			Kỹ năng CM				NLTC và trách nhiệm		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Chung	1	0	0	0	0	0	2	1	1	0	0	0	0	1	2	0
Chuyên nghiệp	0	1	3	2	2	1	2	2	1	2	2	2	2	1	2	2
Chuyên ngành	0	1	3	2	2	1	2	2	1	2	2	2	2	1	2	2
NVSP	0	2	2	1	2	1	2	2	1	2	1	1	1	1	3	1
TT KLTN	2	2	3	3	3	3	2	3	0	3	3	3	3	2	3	3

5. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

(0: Đóng góp không rõ ràng; 1: Đóng góp mức thấp; 2: Đóng góp mức trung bình; 3: Đóng góp mức cao)

Tên học phần	Mã học phần	Kiến thức (PLOs)							Kỹ năng (PLOs)							NL tự chủ và trách nhiệm (PLOs)		
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
Triết học Mác – Lênin	59SPH131	3	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	2	3	0	
Kinh tế chính trị Mác – Lênin	59SPE121	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0	
Chủ nghĩa xã hội khoa học	59SSO121	3	0	0	0	0	0	3	0	1	0	0	0	0	1	3	0	
Tư tưởng Hồ Chí Minh	59HCM121	3	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	2	0	
Lịch sử Đảng Cộng	59HPV121	3	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	2	3	0	

OK

sản Việt Nam																	
Pháp luật đại cương	59GEL121	3	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Tiếng Anh 1	59ENG131	0	0	0	0	0	0	2	2	3	0	0	0	0	0	2	0
Tiếng Anh 2	59ENG132	0	0	0	0	0	0	2	2	3	0	0	0	0	0	2	0
Tiếng Anh 3	59ENG143	0	0	0	0	0	0	2	2	3	0	0	0	0	2	0	0
Tin học đại cương	59GIF131	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	2	0
Giáo dục thể chất 1	59PHE121	0	1	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	3	0
Giáo dục thể chất 2	59PHE122	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	3	0
Giáo dục thể chất 3	59PHE123	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	3	0
Cơ sở văn hóa Việt Nam	59VCF131	3	0	3	3	3	3	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3
Tiếp cận tác phẩm văn học từ góc độ mỹ học và những nguyên lí lí luận văn học	59ATW221	0	0	3	2	2	2	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1
Cơ sở ngôn ngữ học	59BLG231	0	1	3	3	3	2	3	2	1	3	2	2	3	2	3	3
Thực tế văn học	59LFI221	1	1	2	1	2	1	1	1	1	2	2	2	3	1	2	1
Điền dã, sưu tầm văn hóa dân gian	59FCF221	0	0	3	3	1	0	1	2	0	3	0	1	2	0	3	2
Văn học	59VIF	0	0	3	3	3	1	2	2	1	3	3	3	3	1	3	2

dân gian Việt Nam	341																
Tổng quan văn học Việt Nam trung đại	59MVL 331	0	1	3	2	3	1	2	2	0	2	3	3	3	0	3	2
Tổng quan văn học Việt Nam hiện đại	59OVL 331	0	1	3	1	2	1	1	2	1	1	3	2	2	1	2	1
Ngữ âm- Từ vựng tiếng Việt	59VPV 331	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3	2	3	2
Ngữ pháp tiếng Việt	59VM 331	0	1	3	3	3	2	3	2	1	2	3	3	3	1	3	2
Ngữ dụng- Phong cách học tiếng Việt	59PVS 341	1	1	3	3	3	2	3	2	1	2	2	3	3	2	3	3
Tác phẩm và thể loại văn học	59LWG 331	0	0	3	2	2	2	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1
Văn học châu Á	59ASL 331	1	1	3	3	2	2	1	1	0	3	2	1	3	1	3	2
Tác gia văn học Việt Nam trung đại	59AML 331	0	0	3	3	2	2	2	2	0	3	3	3	1	0	3	2
Tác gia văn học Việt Nam giai đoạn từ đầu thế kỉ XX đến 1945	59AVL 331	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3	0	3	2
Tác gia văn học Việt Nam giai đoạn từ	59AVL 332	0	1	3	1	2	1	2	2	1	1	2	2	3	0	2	2

1945 đến nay																	
Trải nghiệm ngôn ngữ và văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam	59ELC 321	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3	2	3	2
Từ Hán Việt và dạy học từ Hán Việt ở trường phổ thông	59SVT 331	1	1	3	3	3	2	3	2	1	3	2	2	3	1	3	3
Phương pháp nghiên cứu khoa học Ngữ văn	59SMP 331	0	1	3	3	3	2	3	2	1	3	2	2	3	2	3	3
Tiếng Việt thực hành	59VIE 321	0	1	3	2	3	1	3	2	1	1	2	2	3	0	2	2
Tiến trình văn học	59LIP 331	0	0	2	2	3	1	2	1	1	2	1	1	1	1	1	1
Văn học phương Tây 1	59WEL 331	0	0	3	3	3	3	1	1	1	2	1	3	1	1	1	1
Văn học phương Tây 2	59WEL 332	1	1	3	3	2	2	1	1	0	3	2	1	3	1	3	2
Văn hóa truyền thống trong văn học Việt Nam trung đại	559CML 331	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3	0	3	2
Văn học địa phương	559LLI 331	0	1	2	1	2	1	1	2	1	1	2	2	3	1	3	2
Văn học	59CVL	0	2	3	1	3	2	2	2	0	1	2	2	3	0	3	1




Việt Nam đương đại	331																
Thi pháp học	59PRO 331	0	0	2	2	2	1	2	1	1	2	1	1	1	1	1	1
Văn học Hậu hiện đại thế giới	59POL 331	0	0	2	2	1	1	0	1	1	0	0	0	0	0	1	1
Âm nhạc, nghệ thuật tạo hình với văn học	59MAL 331	0	0	3	3	3	2	1	1	0	2	2	2	2	1	2	2
Ngôn ngữ Báo chí	59MEL 331	1	1	1	3	1	1	1	2	2	1	3	3	3	1	3	3
Việt ngữ học với nghiệp vụ văn thư văn phòng	59LCP 331	1	0	1	2	0	0	0	1	1	2	0	2	1	0	1	1
Vận dụng tri thức văn hóa vào giảng dạy văn học dân gian ở trường phổ thông	59ACF 321	0	0	3	3	2	2	2	2	0	3	3	3	1	0	3	2
Ứng dụng lí thuyết ngôn ngữ trong dạy học tác phẩm văn chương	59ALW 321	0	1	3	2	2	1	3	1	1	2	1	2	3	0	3	2
Tâm lý học giáo dục	59EPS 431	0	3	0	0	0	0	2	3	0	0	0	0	0	1	1	0
Giáo dục học	59PEP 431	0	3	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	2	2	0
Giao tiếp sư phạm	59COS 431	0	3	0	0	0	0	3	1	0	0	0	0	0	3	3	0

Thực hành sư phạm 1	59PEP 421	0	2	3	1	3	1	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1
Lý luận dạy học Ngữ văn	59TPT 441	0	1	3	1	2	1	3	3	1	1	3	2	3	0	3	1
Dạy học Ngữ văn theo hướng phát triển năng lực	59TPC 431	0	2	3	1	3	1	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1
Thực hành sư phạm 2	59PEP 422	0	2	3	1	3	1	2	2	1	3	1	2	3	1	3	1
Thực tập sư phạm 1	59TRA 421	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0
Thực tập sư phạm 2	59TRA 432	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	3	0
Đổi mới sáng tạo và Giáo dục khởi nghiệp	59IEE 431	0	3	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	2	0
Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn	59ITP 431	0	2	3	1	3	1	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1
Dạy học đọc hiểu văn bản thông tin đa phương thức ở trường phổ thông	59TMT 431	0	2	3	1	3	1	1	2	1	3	1	2	1	1	3	1
Dạy học văn học dân gian ở trường phổ	59TFL 431	1	1	3	3	3	1	1	1	1	3	2	3	1	1	3	3

thông																	
Dạy học tác phẩm văn học Việt Nam ở trường phổ thông	59TVL 431	0	2	3	1	3	2	2	2	0	3	2	2	3	0	3	2
Dạy học văn học nước ngoài ở trường phổ thông	59TFS 431	0	0	3	3	3	2	1	1	1	3	1	3	1	1	1	1
Dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông	59TVI 431	0	1	3	3	3	2	3	2	1	3	2	2	3	2	3	3
Khóa luận tốt nghiệp	59PHI9 04	1	1	3	3	3	2	1	1	1	2	1	1	1	1	1	2
Minh giải văn bản văn học Việt Nam trung đại	59ITM 931	2	2	3	3	3	3	2	2	0	3	3	3	3	2	3	3
Kĩ năng viết các kiểu văn bản ở trường phổ thông	59WST 931	1	1	3	3	3	2	2	3	0	2	2	3	3	1	3	3

6. Mô tả tóm tắt các học phần

6.1. HỌC PHẦN: TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN, MÃ HP: 59SPH131

Học phần cung cấp các kiến thức khái quát về triết học, triết học Mác – Lênin (chương 1); những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật, như: vật chất, ý thức, mối quan hệ giữa vật chất và ý thức; các nguyên lý, quy luật, phạm trù của phép biện chứng duy vật; vấn đề lý luận nhận thức (chương 2). Ngoài ra, học phần còn cung cấp các kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật lịch sử như: học thuyết Hình thái kinh tế - xã hội; vấn đề giai cấp; vấn đề nhà nước và cách mạng xã hội; vấn đề tồn tại xã hội và ý thức xã hội; vấn đề con người trong triết học Mác – Lênin (chương 3).

Ok Quu

6.2. HỌC PHẦN: KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC-LÊ NIN, MÃ HP: 59SPE121

Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp kiến thức cơ sở, nền tảng tư tưởng cho người học là lý luận kinh tế chính trị của CácMác, Ph.Ăngghen và Lênin về sản xuất hàng hoá và thị trường; về nguồn gốc, bản chất và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư; về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Đồng thời, học phần còn định hướng người học tiếp cận các vấn đề lý luận và thực tiễn về kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

6.3. HỌC PHẦN: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC, MÃ HP: 59SSO121

Học phần chủ nghĩa xã hội khoa học làm rõ những quy luật và tính quy luật về chính trị - xã hội của quá trình hình thành, phát triển của hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Học phần chủ nghĩa xã hội khoa học tập trung luận giải nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, xã hội xã hội chủ nghĩa, nền dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, về vấn đề liên minh giai cấp, vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

6.4. HỌC PHẦN: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH, MÃ HP: 59HCM121

Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương, nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, tập trung luận giải nội dung những chuyên đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tư tưởng về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; tư tưởng về văn hoá, đạo đức và con người.

6.5. HỌC PHẦN: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, MÃ HP: 59HPV121

Môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nghiên cứu về quá trình hình thành, phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến 2018, cụ thể: Từ 1930 đến 1945, nghiên cứu về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền; từ 1945 đến 2018, nghiên cứu về quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới. Trên cơ sở đó, học phần khái quát các bài học lớn của cách mạng Việt Nam từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời tới nay.

6.6. HỌC PHẦN: PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG, MÃ HP: 59GEL121

Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương của tất cả các chương trình đào tạo. Học phần cung cấp những kiến thức lý luận về nhà nước và pháp luật, nội dung cơ bản của một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình.

6.7. HỌC PHẦN: TIẾNG ANH 1, MÃ HP: 59ENG131

He Out

Môn **Tiếng Anh 1** là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Môn học **Tiếng Anh 1** cung cấp cho sinh viên những vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, các cấu trúc so sánh, động từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và thử thách để phát triển được kỹ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức cao. Đồng thời, môn học này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn gọn theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày.

Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học Spark và lớp học ảo sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

6.8. HỌC PHẦN: TIẾNG ANH 2, MÃ HP: 59ENG132

Môn **Tiếng Anh 2** là học phần kế tiếp của Tiếng Anh 1, là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Môn **Tiếng Anh 2** trang bị cho người học vốn từ vựng về các chủ đề môi trường, các sự kiện trong cuộc sống, nghề nghiệp, và khoa học - công nghệ. Bên cạnh đó, người học được củng cố các hiện tượng ngữ pháp cơ bản như danh từ đếm và không đếm được, quán từ số lượng, mạo từ, động từ có "to", các dạng tương lai, giới từ, thì hiện tại hoàn thành, mệnh đề quan hệ xác định, câu điều kiện loại 1 và loại 0. Kiến thức trong học phần không chỉ mang tính học thuật mà còn bao gồm những thông tin và hiểu biết thực tế về các địa danh, con người và sự kiện ở một số quốc gia trên thế giới.

Học phần này tiếp tục rèn luyện cho người học các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh ở cấp độ Bậc 3 thấp gồm nghe, nói, đọc và viết, đặt trong 4 chủ đề chính như đã nêu ở trên. Kết thúc học phần này, trong phạm vi các chủ đề đã học, người học có khả năng nói chuyện, nghe lấy ý chính và lấy thông tin, đọc hiểu ý chính và đọc lấy thông tin, viết thư thân mật.

Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MyELT và lớp học ảo sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

6.9. HỌC PHẦN: TIẾNG ANH 3, MÃ HP: 59ENG143

Môn **Tiếng Anh 3** là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Học phần **tiếng Anh 3** tiếp tục bổ sung cho sinh viên lượng từ vựng về các chủ đề Kỳ nghỉ; Sản phẩm; Lịch sử và Tự nhiên cùng với các chủ điểm ngữ pháp về câu bị động ở hiện tại và quá khứ; quá khứ hoàn thành, câu hỏi cho chủ ngữ và tân ngữ, tính từ đuôi *-ing* và đuôi *-ed*; cấu trúc *used to*, câu gián tiếp; câu điều kiện loại 2, các đại từ bất định. Ngoài ra, ở học phần này, sinh viên tiếp tục được rèn luyện các kỹ năng giao tiếp trong tiếng Anh

Oh Qu

như: nghe hiểu được các cuộc hội thoại, các cuộc phỏng vấn và các bài viết; đọc hiểu các bài báo về các chủ đề được học; trình bày quan điểm cá nhân, lập kế hoạch hay phỏng vấn và rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn đơn giản.

Cùng với các học phần tiếng Anh 1, 2, học phần tiếng Anh 3 tiếp tục phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Anh cho sinh viên ở trình độ tiếng Anh bậc 3 ở mức trung bình theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng được trong hoạt động giao tiếp.

6.10. HỌC PHẦN: TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG, MÃ HP: 59GIF131

Học phần Tin học đại cương cung cấp các kiến thức cơ bản về: Cấu trúc chung của máy tính; xử lý lỗi cơ bản của máy tính; hệ điều hành; Định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo trong Microsoft Word; Định dạng và xử lý dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ trong Microsoft Excel; Thao tác với slide; định dạng, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng và slide; tạo siêu liên kết trong Microsoft PowerPoint; Mạng máy tính và an toàn thông tin; một số ứng dụng cơ bản trên mạng Internet.

6.11. HỌC PHẦN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1, MÃ HP: 59PHE121

Học phần này trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sơ lược nguồn gốc và lịch sử phát triển của môn Bơi; Ý nghĩa, tác dụng của môn Bơi đối với việc tăng cường và rèn luyện sức khỏe cho con người. Hiểu biết về đặc tính của môi trường nước liên quan tới người bơi như: Nguyên lý thủy tĩnh lực học, nguyên lý thủy động lực học, những lực cản tác động đến cơ thể người bơi; Học các giai đoạn của một kỹ thuật Bơi thể thao (Bơi ếch): Cách làm nổi người, lướt nước, học kỹ thuật động tác chân, kỹ thuật động tác tay, phối hợp chân với tay, động tác thở, phối hợp động tác tay với thở; phối hợp tay- chân- thở hoàn thiện toàn bộ kỹ thuật kiểu Bơi ếch thể thao.

6.12. HỌC PHẦN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2, MÃ HP: 59PHE122

Học phần Giáo dục thể chất II (Tự chọn) dành cho sinh viên không chuyên ngành TDTT Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên hiểu biết về nguồn gốc, lịch sử, đặc điểm, lợi ích, tác dụng của môn thể thao; thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn thể thao; phương pháp tập luyện và thi đấu; phân tích được một số chấn thương thường gặp, cách phòng ngừa các chấn thương. Hình thành những kỹ năng kỹ xảo về kỹ thuật cơ bản môn thể thao, giúp sinh viên nâng cao sức khỏe, góp phần rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần tập thể, có sức khỏe thực hiện các yêu cầu về công việc và cuộc sống.

6.13. HỌC PHẦN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT 3, MÃ HP: 59PHE123

Học phần Giáo dục thể chất 3 (Tự chọn 1 trong 4 môn: Bóng chuyền, Bóng đá, Cầu lông, Khiêu vũ thể thao) dành cho sinh viên không chuyên ngành GDTC Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về nguồn gốc, lịch sử, đặc điểm, lợi ích, tác dụng của môn thể thao; thực hiện được các kỹ - chiến thuật cơ bản của môn thể thao; phương pháp tập luyện và thi đấu; xác định được nguyên nhân và cách phòng ngừa các chấn thương thường gặp trong

Ng. Qu.

quá trình tập luyện và thi đấu. Hình thành những kỹ năng, kỹ xảo về kỹ thuật cơ bản môn thể thao, giúp sinh viên nâng cao sức khỏe, góp phần rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần tập thể, có sức khỏe thực hiện các yêu cầu trong thực tiễn công việc và cuộc sống.

6.14. HỌC PHẦN: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG, MÃ HP: 59MIE131

6.15. HỌC PHẦN: CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM, MÃ HP: 59VCF231

Môn học trang bị cho sinh viên những tri thức mang tính chất cơ bản, đặc thù của văn hóa Việt Nam. Môn học gồm có 3 chương, cung cấp cho người học cái nhìn khái quát về văn hóa, văn hóa học và các vấn đề cụ thể như: định vị văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hóa Việt Nam; một số thành tố văn hóa; các vùng văn hóa Việt Nam... Từ đó giúp cho sinh viên có ý thức trân trọng, giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

6.16. HỌC PHẦN: TIẾP CẬN TÁC PHẨM VĂN HỌC TỪ GÓC ĐỘ MỸ HỌC VÀ NGUYÊN LÝ LÝ LUẬN VĂN HỌC, MÃ HP: 59ATW221

Môn học nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành, loại học phần bắt buộc, gồm có hai chương: Chương 1: *Định hướng tiếp cận tác phẩm văn học từ góc độ mỹ học* - tập trung khái quát về các phương diện của lý thuyết mỹ học và định hướng cách tiếp cận tác phẩm từ lý thuyết mỹ học. Chương 2: *Định hướng tiếp cận tác phẩm văn học từ các nguyên lý lý luận văn học* - khái quát các nguyên lý cơ bản của lý luận và định hướng cách tiếp cận tác phẩm từ các nguyên lý này.

6.17. HỌC PHẦN: CƠ SỞ NGÔN NGỮ HỌC, MÃ HP: 59BLG231

Môn học nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ sở về ngôn ngữ học, giúp người học có nền tảng cơ sở lý luận khoa học và kỹ năng cơ bản để nghiên cứu, giảng dạy tiếng Việt ở trường phổ thông.

Môn học còn hướng tới việc rèn luyện cho sinh viên một số thao tác, kỹ năng như: phân tích và phân biệt được hệ thống và cấu trúc của ngôn ngữ, nhận diện và miêu tả các đơn vị ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp để chuẩn bị cho việc học tập những học phần tiếng Việt thuộc khối kiến thức ngôn ngữ chuyên ngành tiếp theo.

6.18. HỌC PHẦN: THỰC TẾ VĂN HỌC, MÃ HP: 59LFI221

Môn học là học phần tự chọn, giúp người học có những kiến thức về văn học Việt Nam hiện đại, văn học dân tộc thiểu số, văn học địa phương thông qua trải nghiệm thực tế nhằm phục vụ cho việc giảng dạy văn học và hướng dẫn học sinh phổ thông tham gia thực tế/ ngoại khoá văn học. Môn học mang tính đặc thù, nhằm cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng thực tế văn học, tìm hiểu các giá trị văn hoá, văn học qua tham quan, trải nghiệm. Đây là một trong ít những môn học giúp sinh viên có những trải nghiệm thực tế nên nó có vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo của ngành Sư phạm Ngữ văn.

6.19. HỌC PHẦN: ĐIỀN DÃ, SƯU TẦM VĂN HÓA DÂN GIAN, MÃ HP: 59FCF221

BS *Qu*

Môn học thuộc phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở ngành, gồm ba chương nội dung. Chương 1 và chương 2 cung cấp những tri thức cơ bản về điền dã sưu tầm văn hóa dân gian gồm: công tác chuẩn bị và các phương pháp điền dã, sưu tầm, xử lý tư liệu. Chương 3 hướng dẫn người học thực hành công tác điền dã, sưu tầm, tập hợp, xử lý tư liệu, viết báo cáo thu hoạch kết quả thực tế chuyên môn.

6.20. HỌC PHẦN: VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM, MÃ HP: 59VIF341

Môn học nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, gồm 6 chương, cung cấp cho người học những tri thức chuyên sâu về khoa học văn học dân gian như: khái niệm, các đặc trưng cơ bản; tiến trình lịch sử; hệ thống thể loại văn học dân gian; đặc điểm thể loại (tự sự, trữ tình, sân khấu, tục ngữ, câu đố) và khái quát về văn học dân gian dân tộc thiểu số.

6.21. HỌC PHẦN: TỔNG QUAN VĂN HỌC TRUNG ĐẠI, MÃ HP: 59MVL331

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản, khái quát về văn học Việt Nam hiện đại từ đầu thế kỷ XX đến nay (gồm các chặng đường vận động, đặc điểm cơ bản, thành tựu, hạn chế và sự vận động của một số thể loại tiêu biểu). Qua đó, người học am hiểu và giảng dạy tốt các tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam hiện đại ở trường phổ thông và có kiến thức hệ thống để tiếp cận các học phần tiếp theo của văn học Việt Nam hiện đại.

6.22. HỌC PHẦN: TỔNG QUAN VĂN HỌC VIỆT NAM HIỆN ĐẠI, MÃ HP: 59OVL331

Môn học nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, trang bị một phần kiến thức cơ bản không thể thiếu đối với sinh viên sư phạm chuyên ngành Ngữ văn, giúp sinh viên có nền tảng kiến thức cần thiết để giảng dạy tốt phần văn học Việt Nam trung đại ở trường phổ thông. Môn học gồm 3 chương cung cấp các tri thức chuyên sâu về các vấn đề cơ bản của văn học Việt Nam trung đại như: khái niệm, tiến trình phát triển, đặc điểm cơ bản và hệ thống thể loại.

6.23. HỌC PHẦN: NGŨ ÂM- TỪ VỰNG TIẾNG VIỆT, MÃ HP: 59VPV331

Môn học nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, thuộc học phần bắt buộc, giới thiệu kiến thức chuyên sâu về Ngữ âm và Từ vựng tiếng Việt. Học phần có nhiệm vụ trang bị hệ thống kiến thức cơ bản và chuyên sâu về ngữ âm, từ vựng tiếng Việt; kỹ năng nhận diện, sử dụng các đơn vị ngữ âm – từ vựng; một số vấn đề về ngữ âm trong nhà trường PT và gợi ý về phương pháp dạy học từ vựng ở trường PT. Từ đó, người học có khả năng lựa chọn, sử dụng chính xác các đơn vị ngôn ngữ trong giao tiếp, giảm tối đa cách diễn đạt không phù hợp.

6.24. HỌC PHẦN: NGŨ PHÁP TIẾNG VIỆT, MÃ HP: 59VMG331

Ngữ pháp tiếng Việt nằm trong khối kiến thức chuyên ngành. Môn học có nhiệm vụ trang bị cho người học Ngữ văn hệ thống kiến thức cơ bản về ngữ pháp tiếng Việt; kỹ năng nhận diện, sử dụng các đơn vị ấy. Môn học có cấu trúc gồm 5 chương. Chương 1: *Một số vấn đề chung về ngữ pháp tiếng Việt*; Chương 2: *Từ loại*; Chương 3: *Cụm từ*; Chương 4: *Câu*; Chương 5: *Văn bản*. Nhờ tập hợp các quy tắc sử dụng

M. Cui

tiếng Việt được đề cập trong môn học mà người học có thể nắm được cấu trúc của tiếng Việt, có khả năng sử dụng chính xác, hiệu quả các đơn vị tiếng Việt trong giao tiếp, giảm tối đa cách diễn đạt không phù hợp.

6.25. HỌC PHẦN: NGỮ DỤNG- PHONG CÁCH HỌC TIẾNG VIỆT, MÃ HP: 59PVS341

Môn học nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành, thuộc học phần bắt buộc, có nhiệm vụ trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản về Ngữ dụng- Phong cách học tiếng Việt; kỹ năng nhận diện, sử dụng các đơn vị ngôn ngữ; giá trị của các nguồn phương tiện tu từ, biện pháp tu từ của ngôn ngữ và một số gợi ý về phương pháp dạy học những vấn đề về Ngữ dụng - Phong cách học tiếng Việt ở trường phổ thông cũng như làm các đề tài nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng năng lực tự học, năng lực hợp tác.

6.26. HỌC PHẦN: TÁC PHẨM VÀ THỂ LOẠI VĂN HỌC, MÃ HP: 59LWG331

Môn học nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, gồm có hai chương: Chương 1: *Tác phẩm văn học*, gồm các đơn vị kiến thức xoay quanh tác phẩm văn học như: tính chỉnh thể của TPVH, nội dung và hình thức của TPVH, các cấp độ biểu hiện của nội dung, hình thức của TPVH và mối quan hệ giữa chúng. Chương 2: *Thể loại văn học*, gồm các đơn vị kiến thức như sự phân chia thể loại trong văn học, đặc điểm thi pháp của một số thể loại tiêu biểu như tác phẩm trữ tình, tác phẩm tự sự, tác phẩm kịch, tác phẩm kí.

6.27. HỌC PHẦN: VĂN HỌC CHÂU Á, MÃ HP: 59ASL331

Môn học Văn học Châu Á thuộc khối kiến thức chuyên ngành, là loại học phần bắt buộc. Môn học gồm có 3 chương, trình bày về những vấn đề chung (đất nước, con người; thành tựu văn hóa tiêu biểu, tiến trình văn học, tác gia...) đến các giả, các tác phẩm tiêu biểu của ba nền văn học: văn học Trung Quốc, Ấn Độ và Nhật Bản; định hướng dạy học đọc hiểu một số tác phẩm, đoạn trích tác phẩm văn học Trung Quốc, Ấn Độ và Nhật Bản được giảng dạy trong nhà trường ở Việt Nam.

6.28. HỌC PHẦN: TÁC GIA VĂN HỌC VIỆT NAM TRUNG ĐẠI, MÃ HP: 59AML331

Môn học nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, trang bị một phần kiến thức cơ bản không thể thiếu đối với sinh viên sư phạm chuyên ngành Ngữ văn, giúp người học có nền tảng kiến thức cần thiết để giảng dạy tốt phần văn học Việt Nam trung đại ở trường Phổ thông.

Môn học này gồm 7 chương trang bị cho sinh viên những kiến thức về những tác gia tiêu biểu của văn học trung đại Việt Nam: Nguyễn Trãi, Nguyễn Dữ, Đặng Trần Côn - Đoàn Thị Điểm, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến.

6.29. HỌC PHẦN: TÁC GIA VĂN HỌC VIỆT NAM GIAI ĐOẠN TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN 1945, MÃ HP: 59AVL331

Handwritten signature

Môn học nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, trang bị một phần kiến thức cơ bản không thể thiếu đối với sinh viên sư phạm chuyên ngành Ngữ văn, giúp sinh viên có nền tảng kiến thức cần thiết để giảng dạy tốt phần văn học Việt Nam cận hiện đại từ đầu thế kỉ XX đến 1945 ở trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông.

Môn học gồm 3 chương cung cấp các tri thức chuyên sâu về các tác gia tiêu biểu của văn học giai đoạn từ đầu thế kỉ XX đến 1945 và định hướng dạy học các tác phẩm tiêu biểu của họ được chọn giảng trong chương trình phổ thông.

6.30. HỌC PHẦN: TÁC GIA VĂN HỌC VIỆT NAM GIAI ĐOẠN TỪ 1945 ĐẾN NAY, MÃ HP: 59AVL332

Môn học nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, trang bị một phần kiến thức cơ bản không thể thiếu đối với sinh viên sư phạm chuyên ngành Ngữ văn, giúp sinh viên có nền tảng kiến thức cần thiết để giảng dạy tốt phần văn học Việt Nam hiện đại sau 1945 ở trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông.

Môn học gồm 2 chương cung cấp các tri thức chuyên sâu về các tác gia tiêu biểu của văn học giai đoạn sau 1945 và định hướng dạy học các tác phẩm tiêu biểu của họ được chọn giảng trong chương trình phổ thông.

6.31. HỌC PHẦN: TRẢI NGHIỆM NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM, MÃ HP: 59ELC321

Học phần nằm trong khối kiến thức tự chọn, gồm 03 chương: Chương 1 giới thiệu khái quát về ngôn ngữ và văn hóa các DTTS ở Việt Nam, trong đó ngôn ngữ được đề cập đến với tư cách là một thành tố trong văn hóa các DTTS. Chương 2 đi sâu nhận diện, trải nghiệm, phân tích ngôn ngữ trong đời sống văn hóa các DTTS. Chương 3 tập trung làm rõ vấn đề bảo tồn, phát triển ngôn ngữ, văn hóa các DTTS.

6.32. HỌC PHẦN, TỪ HÁN VIỆT VÀ DẠY HỌC TỪ HÁN VIỆT Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG, MÃ HP: 59SVT331

Chương 1 cung cấp những kiến thức nền tảng về quá trình tiếp xúc ngôn ngữ Việt - Hán; sự hình thành, vai trò của từ Hán Việt; các biện pháp Việt hóa từ ngữ Hán; Chương 2 cung cấp những tri thức cơ bản về từ mượn Hán; giúp người học có những hiểu biết toàn diện, cụ thể về đặc điểm, cách nhận diện, giá trị của từ ngữ Hán Việt cũng như về sắc thái tu từ của từ Hán Việt nhằm nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt, nâng cao ý thức bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt. Chương 3 vận dụng kiến thức để định hướng cho người học thực hiện những giải pháp nâng cao hiệu quả của việc dạy học từ Hán Việt ở trường phổ thông.

6.33. HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP NCKH NGỮ VĂN, MÃ HP: SMP331

Môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành, có nhiệm vụ cung cấp, trau dồi phương pháp, kĩ năng nghiên cứu khoa học nói chung, trong đó có khoa học Ngữ văn, giúp người học biết cách triển khai các nghiên cứu khoa học như: viết bài báo khoa học, làm đề tài khoa học, viết luận văn tốt nghiệp... theo hai chuyên ngành ngôn ngữ và văn học.

Alu

Môn học gồm 3 chương: Chương 1 đề cập tới những vấn đề chung về khoa học, nghiên cứu khoa học, hệ thống các phương pháp nghiên cứu khoa học và nội dung cơ bản của hoạt động nghiên cứu khoa học. Chương 2 tập trung vào phương pháp nghiên cứu khoa học ngôn ngữ (gồm phương pháp miêu tả với 3 nhóm thủ pháp: các thủ pháp giải thích bên ngoài, các thủ pháp giải thích bên trong, các thủ pháp logic học, ngôn ngữ học tâm lí và phương pháp so sánh). Chương 3 tập trung làm rõ những vấn đề cơ bản của phương pháp nghiên cứu văn học; giới thiệu một số phương pháp nghiên cứu văn học như phương pháp thực chứng, phương pháp hình thức, phương pháp kí hiệu học, phương pháp xã hội học, phương pháp tiểu sử, phương pháp so sánh...

6.34. HỌC PHẦN: TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH, MÃ HP: 59VIE321

Tiếng Việt thực hành (môn học tự chọn) được cấu trúc gồm 2 chương. Chương 1: *Rèn luyện kĩ năng về chính âm, chính tả, dùng từ, đặt câu*. Chương 2: *Rèn luyện kĩ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản*.

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về: chính âm, chính tả, dùng từ, đặt câu, tiếp nhận và tạo lập văn bản. Trên cơ sở đó hình thành các kĩ năng cần thiết giúp người học có thể nâng cao năng lực giao tiếp của mình trong các hoạt động đọc, viết, nghe, nói.

6.35. HỌC PHẦN: TIỀN TRÌNH VĂN HỌC, MÃ HP: 59LIP331

Tiền trình văn học là môn học cung cấp toàn bộ nội dung mỗi trào lưu văn học thế giới. Đồng thời, chỉ ra sự ảnh hưởng các nguyên tắc sáng tạo của các trào lưu văn học thế giới đến văn học Việt Nam. Môn học cũng giúp người học nắm bắt được những mặt tích cực và tiêu cực của các giai đoạn văn học để đánh giá vai trò và vị trí của các trào lưu văn học cũng như khả năng ứng dụng nó trong học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học Ngữ văn.

6.36. HỌC PHẦN: VĂN HỌC PHƯƠNG TÂY 1, MÃ HP: WEL331

Môn học có 3 chương thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Chương 1 trình bày các đặc điểm và thành tựu của văn học cổ Hi Lạp (thần thoại, sử thi, bi kịch...). Chương 2 trình bày đặc điểm và thành tựu của văn học Anh và văn học Tây Ban Nha. Chương 3 trình bày đặc điểm và thành tựu của văn học Pháp. Học phần cũng đề cập đến nội dung định hướng dạy học đọc hiểu một số tác phẩm, đoạn trích của văn học Hi Lạp, văn học Anh, văn học Tây Ban Nha, văn học Pháp được dạy trong chương trình Ngữ văn phổ thông.

6.37. HỌC PHẦN: VĂN HỌC PHƯƠNG TÂY 2, MÃ HP: WEL332

Môn học Văn học phương Tây 2 thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Môn học gồm có 3 chương, trình bày về những vấn đề chung (đất nước, con người; thành tựu văn hóa tiêu biểu, tiến trình văn học, tác gia...) đến các giả, các tác phẩm tiêu biểu của bốn nền văn học: văn học Đức, Mỹ và Nga; định hướng dạy học đọc hiểu một số tác phẩm, đoạn trích tác phẩm văn học Đức, Mỹ và Nga được giảng dạy trong trường phổ thông ở Việt Nam.

Ch. Qu

6.38. HỌC PHẦN: VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM TRUNG ĐẠI, MÃ HP: 59CML331

Môn học nằm trong khối kiến thức tự chọn chuyên ngành, gồm 03 chương: Chương 1: Những vấn đề chung về giá trị văn hóa truyền thống trong tác phẩm văn học Việt Nam trung đại. Chương 2 đi sâu nhận diện, phân tích văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên trong các tác phẩm văn học Việt Nam thời trung đại. Chương 3 tập trung làm rõ các phương diện của văn hóa ứng xử với con người trong các tác phẩm văn học Việt Nam thời trung đại.

6.39. HỌC PHẦN: VĂN HỌC ĐỊA PHƯƠNG, MÃ HP: 59LLI331

Môn học thuộc khối kiến thức ngành, là học phần tự chọn, trang bị cho người học những tri thức cơ bản, chuyên sâu về văn học địa phương ở các tỉnh miền núi phía Bắc thời kì hiện đại như: khái niệm, đặc điểm về tự nhiên, xã hội và văn hoá, lịch sử; các chặng đường vận động và phát triển; một số đặc điểm cơ bản; thành tựu và hạn chế; các tác giả, tác phẩm tiêu biểu. Qua đó, giúp sinh viên có nền tảng kiến thức cần thiết để giảng dạy tốt phần văn học địa phương ở trường phổ thông.

6.40. HỌC PHẦN: VĂN HỌC VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI, MÃ HP: 59CVL331

Môn học nằm trong khối kiến thức tự chọn chuyên ngành, trang bị một phần kiến thức cơ bản cho sinh viên sư phạm chuyên ngành Ngữ văn, giúp sinh viên có nền tảng kiến thức cần thiết để giảng dạy tốt phần Văn học Việt Nam đương đại ở trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông.

Môn học gồm 3 chương, giới thiệu những vấn đề cơ bản về văn học Việt Nam đương đại (tình hình vận động và phát triển, các xu hướng sáng tác tiêu biểu; các hiện tượng văn học, các tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học giai đoạn này...). Đồng thời, định hướng nghiên cứu một số tác phẩm văn học Việt Nam đương đại xuất hiện trong chương trình giáo dục phổ thông 2018 và sách giáo khoa môn Ngữ văn.

6.41. HỌC PHẦN: THI PHÁP HỌC, MÃ HP: 59PRO331

Môn học cung cấp những tri thức lý luận về thi pháp học như: khái niệm, lịch sử và các phạm trù của thi pháp học như: quan niệm nghệ thuật về con người; Thời gian và không gian nghệ thuật; Tác giả và kiểu tác giả; Nghệ thuật ngôn từ trong nghiên cứu, giảng dạy văn học. Ngoài việc cung cấp các tri thức lý luận, ở mỗi chương cũng đề xuất những yêu cầu vận dụng thi pháp học một cách cụ thể trong việc đọc hiểu, nghiên cứu một tác phẩm văn học.

6.42. HỌC PHẦN: VĂN HỌC HẬU HIỆN ĐẠI THẾ GIỚI, MÃ HP: 59POL331

Môn học có 3 chương thuộc khối kiến thức chuyên ngành, là học phần tự chọn. Chương 1 trình bày kiến thức tổng quan về văn học hậu hiện đại (tiền đề, các khái niệm cơ bản, các khuynh hướng cơ bản...). Chương 2 trình bày thành tựu của văn học hậu hiện đại Mỹ, Mỹ-La tinh, Nhật Bản... Chương 3 trình bày thành tựu của văn học hậu hiện đại Việt Nam. Các chương đều có nội dung định hướng dạy học đọc hiểu một số tác phẩm, đoạn trích tác phẩm dạy học trong chương trình Ngữ văn.

Handwritten signature

6.43. HỌC PHẦN: ÂM NHẠC, NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH VỚI VĂN HỌC, MÃ HP: 59MAL331

Học phần trình bày: Các kiến thức âm nhạc cơ bản; các thuộc tính Âm nhạc; mối quan hệ giữa Âm nhạc với Văn học, từ đó vận dụng vào các bài tập thực hành Âm nhạc với Văn học; Các kiến thức nghệ thuật tạo hình; ngôn ngữ của tạo hình và đặc điểm các loại hình nghệ thuật tạo hình; mối quan hệ giữa nghệ thuật tạo hình với văn học; vận dụng thực hành các bài tập liên quan giữa tạo hình và văn học.

6.44. HỌC PHẦN: NGÔN NGỮ BÁO CHÍ, MÃ HP: 59MEL331

Ngôn ngữ báo chí (môn học tự chọn dành cho sinh viên ngành Ngữ văn) gồm 3 chương: Những vấn đề chung, Đặc điểm sử dụng ngôn ngữ của các loại hình và thể loại báo chí, một số phương diện cụ thể của ngôn ngữ báo chí. Môn học nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức lý luận cơ bản về: báo chí, ngôn ngữ báo chí. Trên cơ sở ấy, hình thành các kỹ năng cần thiết như: nhận diện các thể loại báo chí, tạo lập và kiểm tra chất lượng các sản phẩm báo chí...

6.45. HỌC PHẦN: VIỆT NGỮ HỌC VỚI NGHIỆP VỤ VĂN THƯ, VĂN PHÒNG, MÃ HP: 59LCP331

Việt ngữ học với nghiệp vụ văn thư văn phòng (môn học tự chọn dành cho sinh viên ngành Ngữ văn) gồm 3 chương: Nghiệp vụ văn phòng, nghiệp vụ công tác văn thư, nghiệp vụ công tác lưu trữ. Môn học cung cấp những kiến thức lý luận và kỹ năng cơ bản cho sinh viên về công tác quản trị hành chính văn phòng và công tác văn thư lưu trữ: quản lý hồ sơ, sắp xếp cuộc họp, thu thập và xử lý thông tin, viết văn bản, biểu mẫu...

6.46. HỌC PHẦN: VẬN DỤNG TRI THỨC VĂN HÓA VÀO GIẢNG DẠY VĂN HỌC DÂN GIAN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG, MÃ HP: 59ACF321

Môn học thuộc phần tự chọn 1 trong khối kiến thức ngành, gồm ba chương. Chương 1: Các vấn đề chung; Chương 2: Tri thức văn hóa trong văn học dân gian; Chương 3: Thực hành thiết kế bài dạy văn học dân gian vận dụng tri thức văn hóa. Môn học bổ sung cho sinh viên chuyên ngành tri thức chuyên sâu về văn học dân gian trong mối quan hệ với văn hóa, từ đó có thể vận dụng trong việc giảng dạy các văn bản văn học dân gian ở trường phổ thông.

6.47. HỌC PHẦN: ỨNG DỤNG LÝ THUYẾT NGÔN NGỮ TRONG NGHIÊN CỨU TÁC PHẨM VĂN CHƯƠNG, MÃ HP: 59ALW321

Môn Ứng dụng lý thuyết ngôn ngữ trong nghiên cứu tác phẩm văn chương nằm trong Chương trình đào tạo Cử nhân Sư phạm Ngữ văn. Môn học được cấu trúc thành 3 chương: *Ứng dụng một số lý thuyết Ngữ âm tiếng Việt trong nghiên cứu tác phẩm văn chương; Ứng dụng một số lý thuyết Từ vựng tiếng Việt trong nghiên cứu tác phẩm văn chương; Ứng dụng một số lý thuyết Ngữ pháp tiếng Việt trong nghiên cứu tác phẩm văn chương.* Thông qua những kiến thức được cung cấp trong nội dung môn học này,

al Cue

người học sẽ được trang bị cơ sở lý luận khoa học và kỹ năng cơ bản để nghiên cứu, phân tích phẩm văn chương.

6.48. HỌC PHẦN: TÂM LÝ HỌC GIÁO DỤC, MÃ HP: 59EPS431

Học phần Tâm lý học giáo dục là học phần bắt buộc nằm trong Khối kiến thức cơ sở, có mối quan hệ mật thiết với các học phần khác như: Giáo dục học, Giao tiếp sư phạm và các học phần khác thuộc chương trình đào tạo giáo viên. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tâm lý học giáo dục như: bản chất, chức năng, các hiện tượng tâm lý người; đặc điểm phát triển tâm lý trẻ em ở từng thời kỳ lứa tuổi; cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy học; cơ sở tâm lý học của hoạt động giáo dục đạo đức. Đặc biệt, môn học cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về các nguyên tắc đạo đức và kỹ năng hỗ trợ tâm lý trong trường học để vận dụng vào việc giảng dạy, nghiên cứu tâm lý con người, hình thành và phát triển nhân cách học sinh, hỗ trợ học sinh giải quyết những khó khăn tâm lý.

6.49. HỌC PHẦN: GIÁO DỤC HỌC, MÃ HP: 59PEP431

Giáo dục học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm trong chương trình đào tạo giáo viên. Học phần đề cập đến: những vấn đề chung của giáo dục học, lý luận dạy học, lý luận giáo dục, những yêu cầu về nhân cách của người giáo viên trong môi trường đa văn hóa và cách mạng 4.0. Học phần có mối quan hệ với các môn Tâm lý học giáo dục, giao tiếp sư phạm, phương pháp dạy học bộ môn...góp phần hình thành năng lực nghề nghiệp cho người giáo viên tương lai.

6.50. HỌC PHẦN: GIAO TIẾP SƯ PHẠM, MÃ HP: 59COS431

Học phần Giao tiếp sư phạm là học phần bắt buộc nằm trong Khối kiến thức nghiệp vụ, có mối quan hệ mật thiết với các học phần khác như: Tâm lý học giáo dục, Giáo dục học và các học phần khác thuộc chương trình đào tạo giáo viên. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giao tiếp, giao tiếp sư phạm như: các giai đoạn của quá trình giao tiếp; nguyên tắc, phong cách, kỹ năng giao tiếp sư phạm, quy tắc ứng xử trong trường học.... Từ đó hình thành ở người học những kỹ năng, thái độ tương ứng để xử lý có hiệu quả các tình huống giao tiếp trong thực tiễn và hoạt động nghề nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh đa văn hóa và công nghệ số.

6.51. HỌC PHẦN: THỰC HÀNH SƯ PHẠM 1, MÃ HP: 59PEP421

Môn *Thực hành sư phạm* sẽ trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cơ bản để dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông. Kết cấu của môn học gồm ba chương. Chương 1: thực hành rèn luyện kỹ năng diễn thuyết và xử lý tình huống sư phạm. Chương 2: thực hành kỹ năng lên lớp. Chương 3: thực hành luyện tập một số kỹ năng biểu diễn nghệ thuật trong dạy học Ngữ văn. Để học môn này, sinh viên cần có những kiến thức cơ bản về tâm lý học sư phạm, giáo dục.

6.52. HỌC PHẦN: LÝ LUẬN DẠY HỌC NGỮ VĂN, MÃ HP: 59TPT441

Môn *Lý luận dạy học Ngữ văn* trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản để dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông. Lý luận chung về dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông; Lý luận về phát triển chương trình; Phương pháp dạy học Ngữ văn

Handwritten signature

(các phương pháp dạy học tri thức Ngữ văn, các phương pháp dạy học tiếp nhận văn bản và tạo lập văn bản); Kiến thức lý luận về hình thức, phương tiện trong dạy học Ngữ văn; lý luận về kiểm tra đánh giá trong dạy học Ngữ văn.

6.53. HỌC PHẦN: DẠY HỌC NGỮ VĂN THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC, MÃ HP: 59TPC431

Môn học cung cấp cho sinh viên những tri thức về năng lực ngữ văn và dạy học Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Đồng thời, qua môn học, sinh viên sẽ nắm được những phương pháp để phát triển năng lực cho học sinh một cách toàn diện. Môn học gồm bốn chương: Chương 1, Lý luận chung; Chương 2, Dạy học tiếng Việt; Chương 3, Dạy học đọc hiểu văn bản; Chương 4, Dạy học tạo lập văn bản.

6.54. HỌC PHẦN: THỰC HÀNH SƯ PHẠM 2, MÃ HP: 59PEP422

Thực hành sư phạm 2 sẽ trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ cơ bản để dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông. Kết cấu của môn học gồm ba chương: Chương 1 *Rèn luyện kỹ năng dạy học kiến thức Tiếng Việt*; Chương 2 *Rèn luyện kỹ năng dạy học tiếp nhận văn bản*; Chương 3 *Rèn luyện kỹ năng dạy học tạo lập văn bản*. Để học môn này, sinh viên cần có những kiến thức cơ bản về tâm lý học sư phạm, giáo dục học, tiếng Việt, văn học và lý luận dạy học Ngữ văn.

6.55. HỌC PHẦN: THỰC TẬP SƯ PHẠM 1, MÃ HP: 59TRA421

Nội dung môn học Thực tập sư phạm 1 nhằm giúp người học hiểu được thực tế giáo dục, tiếp xúc với học sinh và giáo viên các cơ sở thực tập, qua đó hình thành tình cảm nghề nghiệp, thúc đẩy quá trình tự rèn luyện theo yêu cầu của nghề nghiệp; hiểu được các nội dung công việc chuyên môn của người giáo viên bộ môn, có được những kỹ năng ban đầu về công tác chủ nhiệm lớp.

6.56. HỌC PHẦN: THỰC TẬP SƯ PHẠM 2, MÃ HP: 59TRA432

Nội dung môn học Thực tập sư phạm 2 nhằm giúp người học hoàn thiện những kỹ năng về công tác chủ nhiệm lớp, công tác giáo dục, nâng cao tình cảm, đạo đức nghề nghiệp; có những kỹ năng cơ bản về soạn bài, lên lớp; tổ chức bài giảng; đánh giá kết quả học tập của học sinh; có thể lên lớp giảng bài và làm chủ nhiệm lớp một cách độc lập.

6.57. HỌC PHẦN: ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ GIÁO DỤC KHỞI NGHIỆP, MÃ HP: 59IEE431

Học phần Đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm của các chương trình đào tạo cử nhân của trường Đại học Sư phạm. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, giúp người học phát triển các kỹ năng để thực hiện đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp cho học sinh ở các trường phổ thông.

6.58. HỌC PHẦN: ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DẠY HỌC NGỮ VĂN, MÃ HP: 59ITP431

OK

Môn *Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn* trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ cơ bản về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông. Chương 1, cung cấp những kiến thức lý thuyết chung về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn. Chương 2, cung cấp những kiến thức về kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn. Chương 3, thực hành rèn luyện kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn.

6.59. HỌC PHẦN: DẠY HỌC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THÔNG TIN ĐA PHƯƠNG THỨC Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG, Mã HP: 59TMT431

Dạy học đọc hiểu văn bản thông tin đa phương thức ở trường phổ thông trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ cơ bản để dạy học đọc hiểu văn bản thông tin đa phương thức ở trường phổ thông. Môn học gồm ba chương. Chương 1. Lý luận chung; Chương 2. Tổ chức dạy học đọc hiểu văn bản thông tin đa phương thức ở trường phổ thông; Chương 3. Thực hành dạy học đọc hiểu văn bản thông tin đa phương thức.

6.60. HỌC PHẦN: DẠY HỌC VĂN HỌC DÂN GIAN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG, Mã HP: 59TFL431

Học phần gồm 3 chương. Chương 1: Văn học dân gian ở trường phổ thông, phần này trình bày vị trí, vai trò và cấu trúc phần văn học dân gian trong chương trình Ngữ văn ở trường phổ thông; Chương 2: Dạy học văn học dân gian ở trường phổ thông, với các nội dung như nguyên tắc dạy học văn học dân gian, vận dụng các phương pháp dạy học Ngữ văn để dạy văn học dân gian, vận dụng các phương pháp nghiên cứu để dạy học văn học dân gian. Chương 3, trên cơ sở lý thuyết dạy học từ đó có những định hướng dạy học đọc - hiểu tác phẩm văn học dân gian theo đặc trưng thể loại, xây dựng một số hình thức dạy học văn học dân gian trong trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực người học, sân khấu hoá tác phẩm; nghiên cứu và viết báo cáo chủ đề về VHDG.

6.61. HỌC PHẦN: DẠY HỌC TÁC PHẨM VĂN HỌC VIỆT NAM Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG, Mã HP: 59TVL431

Môn học thuộc khối kiến thức nghiệp vụ, là một trong những học phần tự chọn giúp sinh viên ứng dụng các tri thức về đặc trưng cơ bản của các thể loại văn học để nghiên cứu, thực hành giảng dạy các tác phẩm văn học Việt Nam trong chương trình phổ thông. Sinh viên được thực hành để nắm vững tác phẩm và có phương pháp giảng dạy phù hợp, biết vận dụng để phân tích, giảng dạy các tác phẩm văn học có cùng đặc trưng thể loại.

6.62. HỌC PHẦN: DẠY HỌC VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG, Mã HP: 59TFS431

Môn học nằm trong khối kiến thức nghiệp vụ, thuộc loại học phần tự chọn, gồm hai chương. Chương 1 trình bày khái niệm, đặc trưng, vị trí, vai trò của văn học nước ngoài trong việc hình thành năng lực cho học sinh; Chương 2 trình bày các nguyên tắc, phương pháp dạy học, nghiên cứu để thực hành dạy học văn học nước ngoài, định

Handwritten signature

hướng dạy học và hướng dẫn thực hành dạy học một số thể loại, chủ đề của văn học nước ngoài trong chương trình giáo dục môn Ngữ văn.

6.63. HỌC PHẦN: DẠY HỌC TIẾNG VIỆT Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG, Mã HP: 59TVI431

Môn học nằm trong khối kiến thức nghiệp vụ, thuộc học phần tự chọn theo định hướng giáo dục nghề nghiệp. Môn học trang bị cho người học kiến thức cơ bản và mở rộng về các nội dung dạy học của phân môn Tiếng Việt ở trường phổ thông và những nội dung cơ bản về dạy học phát triển kỹ năng tiếng Việt (Nghe – Nói, Đọc và Viết) cho học sinh phổ thông. Trên cơ sở đó, người học có những định hướng về phương pháp, hình thức tổ chức dạy – học ở từng nội dung đơn vị kiến thức và ở từng kỹ năng cụ thể.

6.64. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP, MÃ HP: 59PHI904

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức và các kỹ năng, phương pháp nghiên cứu khoa học, vận dụng các kiến thức Ngữ văn, Lý luận văn học, phương pháp nghiên cứu khoa học, phương pháp dạy học Ngữ văn đã học để hoàn thành đề tài nghiên cứu đã chọn.

6.65. HỌC PHẦN: MINH GIẢI VĂN BẢN VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM, Mã HP: 59ITM931

Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ sở, nòng cốt về một số văn bản thơ văn trung đại Việt Nam, giúp sinh viên cảm nhận được đầy đủ và thấu đáo cái hay cái đẹp của các tác phẩm, từ đó tiếp nhận, xử lý tốt nhất phần dạy học các tác phẩm văn học trung đại trong chương trình. Học phần yêu cầu sinh viên vận dụng tri thức, kỹ năng tổng hợp về nhiều lĩnh vực; góp phần hình thành năng lực dạy học tác phẩm văn học Việt Nam trung đại.

6.66. HỌC PHẦN: KỸ NĂNG VIẾT CÁC KIỂU VĂN BẢN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG, Mã HP: 59SWE331

Đây là môn học có tính chất thực hành tổng hợp, tích hợp kiến thức của Văn học và Tiếng Việt. Môn học trang bị cho người học kiến thức về các kiểu loại văn bản, kỹ năng tạo lập các kiểu bài văn; nâng cao năng lực giao tiếp trong các hoạt động nghe, nói, đọc, viết. Bên cạnh đó, môn học đưa ra một số gợi ý về phương pháp dạy học môn làm văn ở trường phổ thông.



Handwritten signature in blue ink.